

Đường dùng trong khoang miệng

Vị trí: không có TB BM sừng hóa

--> KT vào tuần hoàn

- Dưới lưỡi (sublingual)
- Niêm mạc má (buccal)

Thuốc:

- Thường dùng cho
 - Thuốc tim mạch
 - Hormon
- Thuốc hấp thu tốt:
 - Độ phân cực trung gian
 - ☹ Phân cực ít (tan tốt trong lipid): khó hòa tan
 - ☹ Phân cực nhiều (tan tốt trong nước): khó qua màng TB
 - Ít ion hóa trong pH nước bọt 6.7

Ưu điểm

- tăng SKD
 - Lưu lượng máu, BH lớn
 - Tránh GI tract
 - Tránh FPM
- pH nước bọt trung tính 6.7: đỡ phá thuốc nhạy cảm acid/base
- Dễ nhỏ (khi quá liều)

Dạng bào chế:

- Viên (dính)
- Miếng dán
- Không mùi vị kinh dị
- Không kích thích tiết nước bọt

Nhược điểm

- S hấp thu nhỏ ($< 10\,000 \times$ tá tràng)
- Phải giữ thuốc tại chỗ
- Hao hụt do: nuốt, tiết nước bọt

Đường trực tràng (Rectal)

Mức độ hấp thu: tương đối tốt

- Giải phóng dược chất nhanh
 - > TM trực tràng --> TM chậm --> TMC
- (50-70% không qua TM cửa gan)
- Tránh GI tract
- Tránh FPM

TM cửa (aka. tĩnh mạch gánh):
nhận máu từ dạ dày, ruột, tụy,
lách, túi mật (trừ phần dưới của
trực tràng đổ vào TM chậu trong)

Ưu điểm

- More option for
 - BN: hôn mê, trẻ nhỏ, tắc ruột, nôn, ...)
 - Thuốc: mùi vị kinh dị, kích ứng GI tract

Nhược điểm

- (some) hấp thu không hoàn toàn
- (some) kích ứng niêm mạc trực tràng

Dạng bào chế

- Rắn: (suppository) e.g. viên đạn
 - tại chỗ: trĩ
 - toàn thân: sốt
- Lỏng (enema): dung dịch ưu trương kéo nước vào trực tràng e.g. táo bón